

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH PHÚC**

Số: 339/QĐ-UBND

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Vĩnh Phúc, ngày 08 tháng 02 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Quy định các vị trí được thực hiện chuyển quyền sử dụng đất sau khi đã hoàn thành các công trình hạ tầng kỹ thuật thiết yếu cho người dân tự xây dựng nhà ở tại dự án: Khu đô thị Hùng Vương – Tiên Châu, thành phố Phúc Yên do Công ty Cổ phần Xây dựng Thăng Long làm Chủ đầu tư

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14/01/2013 của Chính phủ về Quản lý đầu tư phát triển đô thị;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 20/2013/TTLT-BXD-BNV ngày 21/11/2013 của Bộ Xây dựng - Bộ Nội vụ, hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14/01/2013 của Chính phủ về Quản lý đầu tư phát triển đô thị;

Căn cứ Văn bản số 6138/BXD-PTĐT ngày 22/12/2020 của Bộ Xây dựng, V/v phúc đáp Văn bản số 7903/UBND-CN3 ngày 20/10/2020 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc.

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Văn bản số 313/SXD-QLNĐT&HT ngày 26/01/2021, V/v quy định các vị trí tại dự án Khu đô thị Hùng Vương – Tiên Châu, thành phố Phúc Yên được chuyển quyền sử dụng đất đã đầu tư XD hạ tầng cho người dân tự xây dựng nhà ở sau khi đã hoàn thành các công trình hạ tầng kỹ thuật thiết yếu.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Quy định các vị trí được thực hiện chuyển quyền sử dụng đất sau khi Chủ đầu tư đã hoàn thành các công trình hạ tầng kỹ thuật thiết yếu cho người dân tự xây dựng nhà ở theo quy hoạch tại dự án: Khu đô thị Hùng Vương – Tiên Châu, thành phố Phúc Yên bao gồm 880 ô đất, cụ thể như sau:

*** Đất nhà ở liền kề: 806 ô**

- Lô LK3: 15 ô từ LK3.1 đến LK3.15;
- Lô LK06: 08 ô từ LK6.1 đến LK6.8;
- Lô LK07: 33 ô từ LK7.1 đến LK7.16 và từ LK7.19 đến LK7.35;
- Lô LK09: 18 ô từ LK9.1 đến LK9.18;
- Lô LK12: 14 ô từ LK12.15 đến LK12.28;

- Lô LK19: 24 ô từ LK19.2 đến LK19.4; từ LK19.6 đến LK19.24; LK19.26, LK19.27;
- Lô LK20: 16 ô từ LK20.1 đến LK20.16;
- Lô LK21: 11 ô từ LK21.2 đến LK21.12;
- Lô LK22: 08 ô từ LK22.1 đến LK22.8;
- Lô LK23: 02 ô gồm LK23.1 và LK23.6;
- Lô LK24: 06 ô từ LK24.1 đến LK24.3; LK24.5 LK24.6 và LK24.9
- Lô LK25: 08 ô gồm LK25.1 ; LK25.5; từ LK25.8 đến LK25.10; từ LK25.12 đến LK25.14;
- Lô LK26: 06 ô gồm LK26.2 ; LK26.4; LK26.6; LK26.8; LK26.10; LK26.11;
- Lô LK27: 19 ô gồm LK27.1; từ LK27.7 đến LK27.9; từ LK27.11 đến LK27.13; LK27.17; LK27.18; LK27.21; LK27.22; LK27.24; LK27.26; LK27.29; LK27.32; LK27.33; LK27.35; LK27.38; LK27.45;
- Lô LK28: 18 ô gồm LK28.2; LK28.3; từ LK28.6 đến LK28.8; LK28.12; từ LK28.14 đến LK28.16; LK28.20; LK28.21; từ LK28.23 đến LK28.25; LK28.29; LK28.30; LK28.42; LK28.44;
- Lô LK29: 17 ô gồm LK29.1; LK29.2; LK29.4; từ LK29.6 đến LK29.9; từ LK29.11 đến LK29.12; LK29.15; LK29.16; LK29.19; LK29.20; LK29.22; LK29.24; LK29.26; LK29.28;
- Lô LK30: 20 ô gồm LK30.4; từ LK30.7 đến LK30.9; LK30.11; từ LK30.13 đến LK30.19; LK30.21; LK30.23; LK30.24; LK30.27; LK30.31; LK30.32; LK30.34; LK30.36;
- Lô LK31: 05 ô gồm LK31.2; LK31.3; LK31.8; LK31.10; LK31.11;
- Lô LK32: 09 ô gồm LK32.3; LK32.6; từ LK32.10 đến LK32.14; LK32.16; LK32.17;
- Lô LK33: 13 ô gồm LK33.3; LK33.4; LK33.7; từ LK33.11 đến LK33.16; LK33.20; LK33.21; LK33.22; LK33.28;
- Lô LK34: 04 ô gồm từ LK34.1 đến LK34.3, LK34.5;
- Lô LK35: 12 ô gồm LK35.1; LK35.3; LK35.5; LK35.6; LK35.8; LK35.10; LK35.16; từ LK35.18 đến LK35.21; LK35.24;
- Lô LK36: 05 ô gồm LK36.3; LK36.6; LK36.11; LK36.17; LK36.24;
- Lô LK37: 03 ô gồm LK37.4; LK37.6; LK37.11;
- Lô LK38: 01 ô LK38.3;
- Lô LK39: 03 ô gồm LK39.16; LK39.19; LK39.20;
- Lô LK40: 11 ô gồm LK40.7; LK40.9; LK40.11; LK40.15; LK40.16; LK40.21; LK40.22; từ LK40.24 đến LK40.27;
- Lô LK41: 08 ô gồm từ LK41.13 đến LK41.18; LK41.20; LK41.21;
- Lô LK42: 12 ô gồm từ LK42.14 đến LK42.20; từ LK42.22 đến LK42.26;
- Lô LK43: 05 ô từ LK43.1 đến LK43.5;

- Lô LK44: 06 ô gồm LK44.1; từ LK44.3 đến LK44.5; LK44.7; LK44.8;
- Lô LK46: 14 ô từ LK46.2 đến LK46.15;
- Lô LK49: 12 ô từ LK49.14 đến LK49.25;
- Lô LK50: 10 ô gồm từ LK50.14 đến LK50.19; LK50.22; LK50.23; LK50.25; LK50.26;
- Lô LK51: 22 ô gồm từ LK51.2 đến LK51.4; LK51.6 đến LK51.11 từ LK51.13 đến LK51.25;
- Lô LK52: 24 ô gồm từ LK52.1 đến LK52.4; LK52.6 đến LK52.25
- Lô LK53: 17 ô gồm từ LK53.7; LK53.8; LK53.10; từ LK53.12 đến LK53.20; từ LK53.23 đến LK53.27;
- Lô LK54: 06 ô gồm từ LK54.9 đến LK54.14;
- Lô LK55: 08 ô gồm từ LK55.6 đến LK55.10; LK55.13; LK55.15; LK55.16;
- Lô LK56: 05 ô gồm LK56.2; LK56.7; từ LK56.9 đến LK56.11;
- Lô LK57: 11 ô gồm LK57.2; từ LK57.12 đến LK57.15; LK57.17; từ LK57.19 đến LK57.23;
- Lô LK58: 03 ô gồm từ LK58.11; LK58.12; LK58.14;
- Lô LK59: 06 ô gồm từ LK59.7 đến LK59.12;
- Lô LK60: 07 ô gồm từ LK60.17 đến LK60.23;
- Lô LK61: 12 ô gồm từ LK61.1 đến LK61.4; từ LK61.6 đến LK61.13;
- Lô LK64: 03 ô gồm từ LK64.1 đến LK64.3;
- Lô LK65: 09 ô gồm từ LK65.2 đến LK65.10;
- Lô LK66: 09 ô gồm LK66.2; LK66.3; từ LK66.5 đến LK66.11;
- Lô LK67: 12 ô gồm LK67.1; LK67.2; LK67.4; từ LK67.6 đến LK67.14;
- Lô LK68: 20 ô gồm từ LK68.8 đến LK68.27;
- Lô LK69: 18 ô gồm LK69.1; từ LK69.4 đến LK69.6; LK69.8; từ LK69.10 đến LK69.21; LK69.24;
- Lô LK70: 09 ô gồm LK70.2; LK70.3; LK70.5; LK70.6; từ LK70.8 đến LK70.10; LK70.12; LK70.14;
- Lô LK71: 17 ô gồm LK71.3; LK71.5; LK71.6; từ LK71.8 đến LK71.10; LK71.13; LK71.14; từ LK71.16 đến LK71.24;
- Lô LK72: 17 ô gồm LK72.1; LK72.2; LK72.4; LK72.5; LK72.7; LK72.8; LK72.10; từ LK72.12 đến LK72.14; LK72.16; LK72.18; từ LK72.20 đến LK72.24;
- Lô LK73: 08 ô gồm từ LK73.5 đến LK73.12;
- Lô LK74: 09 ô gồm từ LK74.1 đến LK74.9;
- Lô LK75: 07 ô gồm từ LK75.1 đến LK75.3; từ LK75.5 đến LK75.8;
- Lô LK76: 10 ô gồm từ LK76.16 đến LK76.25;
- Lô LK77: 08 ô gồm từ LK77.9 đến LK77.16;

- Lô LK78: 11 ô gồm từ LK78.12 đến LK78.22;
- Lô LK79: 13 ô gồm từ LK79.15 đến LK79.27;
- Lô LK80: 26 ô gồm từ LK80.2 đến LK80.14; từ LK80.16 đến LK80.28;
- Lô LK81: 06 ô gồm từ LK81.7 đến LK81.12;
- Lô LK82: 04 ô gồm từ LK82.6 đến LK82.9;
- Lô LK83: 05 ô gồm từ LK83.8 đến LK83.12;
- Lô LK84: 10 ô gồm từ LK84.1 đến LK84.10;
- Lô LK85: 07 ô gồm từ LK85.1 đến LK85.7;
- Lô LK86: 08 ô gồm từ LK86.1 đến LK86.4; từ LK86.7 đến LK86.10;
- Lô LK87: 05 ô gồm từ LK87.7 đến LK87.11;
- Lô LK88: 06 ô gồm từ LK88.7 đến LK88.12;
- Lô LK89: 10 ô gồm từ LK89.11 đến LK89.20;
- Lô LK90: 10 ô gồm từ LK90.2 đến LK90.11;
- Lô LK91: 12 ô gồm từ LK91.1 đến LK91.12;
- Lô LK92: 20 ô gồm từ LK92.1 đến LK92.20;

*** Đất biệt thự: 74 ô**

- Lô DL01: 21 ô gồm từ DL1.8 đến DL1.18; DL1.24, DL1.25, DL1.27 từ DL1.29 đến DL1.35;
- Lô DL02: 04 ô gồm DL02.8 đến DL02.11;
- Lô DL03: 14 ô gồm DL03.2; DL03.3; từ DL03.8 đến DL03.11; DL03.14; từ DL03.21 đến DL03.24; từ DL03.26 đến DL03.28;
- Lô DL04: 04 ô gồm DL04.6, từ DL04.11 đến DL04.13;
- Lô SL1: 18 ô gồm từ SL1.2 đến SL1.19;
- Lô SL2: 13 ô gồm từ SL2.1 đến SL2.7; từ SL2.10 đến SL2.15;

(Tên và vị trí các ô đất được xác định theo Bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng chia lô đã được phê duyệt tại Quyết định số 3251/QĐ-UBND ngày 27/12/2018 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc)

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Việc chuyển quyền sử dụng đất cho người dân tự xây dựng nhà ở chỉ được phép tiến hành sau khi khu vực dự kiến thực hiện chuyển quyền sử dụng đất đã hoàn thành việc đầu tư các công trình hạ tầng kỹ thuật thiết yếu, bao gồm: các công trình dịch vụ và các công trình hạ tầng kỹ thuật (đường giao thông, các tuyến cấp điện, chiếu sáng, thông tin viễn thông, cấp thoát nước) theo quy hoạch chi tiết đã được phê duyệt; đảm bảo kết nối với hệ thống hạ tầng chung của khu vực và cung cấp các dịch vụ thiết yếu cho người dân khi đến ở. Chủ đầu tư hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật trong trường hợp không thực hiện các nội dung nêu trên và để xảy ra có khiếu kiện của khách hàng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

2. Trước khi thực hiện chuyển quyền sử dụng đất cho người dân tự xây dựng nhà ở Chủ đầu tư dự án có trách nhiệm hoàn thiện các thủ tục pháp lý của dự án (Hồ sơ quy hoạch, thủ tục về chấp thuận đầu tư, thủ tục đất đai, môi trường, giấy phép xây dựng, nghĩa vụ tài chính với nhà nước ...).

3. Giao Sở Xây dựng giám sát, kiểm tra và xác nhận bằng văn bản về điều kiện hạ tầng kỹ thuật thiết yếu của dự án trước khi Chủ đầu tư thực hiện chuyển quyền sử dụng đất cho người dân tự xây dựng nhà ở. Xác nhận của Sở Xây dựng là căn cứ để Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thành phố Phúc Yên, UBND phường Hùng Vương, phường Tiền Châu xem xét việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ gia đình, cá nhân nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại dự án theo quy định của pháp luật.

4. Chủ đầu tư dự án có trách nhiệm quản lý các hoạt động xây dựng trong dự án đảm bảo việc xây dựng nhà ở của người dân tuân thủ quy hoạch chi tiết, quy định quản lý theo đồ án điều chỉnh QHCT tỷ lệ 1/500, thiết kế đô thị, tiến độ của dự án và các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn thiết kế, chất lượng công trình.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các ngành Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Thuế; Chủ tịch UBND thành phố Phúc Yên; Chủ tịch UBND phường Hùng Vương; Chủ tịch UBND phường Tiền Châu; Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng Thăng Long và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Vũ Chí Giang